

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 1201

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.
Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Ở sườn phía Tây của dãy Trường Sơn Nam chế độ mưa phân thành mùa mưa, mùa khô chủ yếu do tác động của

- A. gió hướng đông bắc, gió từ vịnh Bengan, bão, dải hội tụ nhiệt đới.
- B. gió mùa Tây Nam, áp thấp nhiệt đới, bão, gió mùa Đông Bắc.
- C. gió mùa Đông Bắc, gió Tây khô nóng, tín phong bán cầu Bắc.
- D. Tín phong bán cầu Bắc, gió hướng tây nam, dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 2. Cơ cấu sử dụng lao động theo ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng

- A. giảm tỉ trọng lao động của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng.
- B. giảm tỉ trọng lao động của nhóm ngành dịch vụ và công nghiệp.
- C. tăng tỉ trọng lao động của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng.
- D. tăng tỉ trọng lao động của nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp.

Câu 3. Nội dung nào sau đây biểu hiện tính chất ẩm của khí hậu nước ta?

- A. Có hai mùa gió chính.
- B. Số giờ nắng trong năm nhiều.
- C. Độ ẩm không khí cao.
- D. Nhiệt độ trung bình năm cao.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

LƯU LƯỢNG NƯỚC TRUNG BÌNH THÁNG CỦA SÔNG HỒNG TẠI TRẠM HÀ NỘI

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lưu lượng nước	1040	885	765	889	1480	3510	5590	6660	4990	3100	2190	1370

(Nguồn: Atlas Địa lí Việt Nam – NXB Giáo dục Việt Nam)

Theo bảng số liệu, sông Hồng tại trạm Hà Nội có đỉnh lũ vào tháng nào sau đây?

- A. Tháng III.
- B. Tháng I.
- C. Tháng VIII.
- D. Tháng XII.

Câu 5. Dạng thời tiết nắng nóng, kèm theo mưa dông xuất hiện vào cuối mùa khô ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là do ảnh hưởng của

- A. gió mùa mùa hạ đến sớm.
- B. áp thấp phía tây lấn sang.
- C. Tín phong bán cầu Bắc.
- D. Tín phong bán cầu Nam.

Câu 6. Biểu hiện của cảnh quan thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc là

- A. Mùa đông lạnh, mưa ít, nhiều loài cây rụng lá.
- B. mùa đông lạnh và không có mưa.
- C. mùa đông lạnh, tất cả cây rụng lá.
- D. mùa đông lạnh ẩm mưa nhiều, các cây rụng lá.

Câu 7. Để hạn chế xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi cần thực hiện biện pháp kỹ thuật canh tác nào sau đây?

- A. Ngăn chặn du canh, du cư.
- B. Làm ruộng bậc thang, đào hồ vẫy cá.
- C. Bảo vệ rừng và đất rừng.

- D. Áp dụng biện pháp nông - lâm kết hợp.
- Câu 8.** Biện pháp nào sau đây được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta?
A. Chống nhiễm mặn. B. Trồng cây theo băng.
C. Đào hồ kiểu vảy cá. D. Làm ruộng bậc thang.
- Câu 9.** Kiểu rừng đặc trưng nhất ở nước ta là?
A. Rừng cận nhiệt ẩm gió mùa. B. Rừng nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. Rừng ôn đới trên núi cao. D. Rừng ngập mặn ven biển.
- Câu 10.** Khí hậu nước ta có sự phân hoá theo Bắc - Nam chủ yếu do tác động của
A. vĩ độ địa lí, gió mùa và gió thường xuyên, địa hình, dải hội tụ.
B. vị trí địa lí, gió mùa Tây Nam, hướng địa hình, áp thấp và bão.
C. vĩ độ địa lí, địa hình, gió mùa mùa hạ, bão và áp thấp nhiệt đới.
D. vị trí địa lí, địa hình, gió mùa Đông Bắc và dải hội tụ nhiệt đới.
- Câu 11.** Dân số phân theo nhóm tuổi của nước ta đang ở giai đoạn
A. cơ cấu dân số trẻ. B. ổn định.
C. cơ cấu dân số già. D. cơ cấu dân số vàng.
- Câu 12.** Hoạt động nào sau đây ít gây ô nhiễm không khí?
A. Sản xuất công nghiệp. B. Trồng cây công nghiệp.
C. Sản xuất của làng nghề. D. Giao thông vận tải.
- Câu 13.** Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm
A. vùng đất, vùng biển, vùng trời. B. vùng đất, hải đảo, thềm lục địa.
C. vùng đất, vùng biển, vùng núi. D. vùng đất liền, hải đảo, vùng trời.
- Câu 14.** Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi
A. hoạt động của gió phơn Tây Nam.
B. vị trí trong vùng nội chí tuyến.
C. địa hình nước ta thấp dần ra biển
D. địa hình nước ta nhiều đồi núi.
- Câu 15.** Phía Tây nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?
A. Lào và Trung Quốc. B. Lào và Campuchia.
C. Lào và Thái Lan. D. Campuchia và Trung Quốc.
- Câu 16.** Nhận định nào sau đây đúng với đặc điểm dân số nước ta?
A. Dân số liên tục tăng, gia tăng dân số có chiều hướng giảm.
B. Gia tăng dân số và quy mô dân số đều giảm.
C. Gia tăng dân số thấp, quy mô dân số giảm mạnh.
D. Dân số đông và tăng nhanh, gia tăng dân số còn cao.
- Câu 17.** Lao động nước ta đang có xu hướng chuyển từ khu vực Nhà nước sang khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vì
A. Nước ta thực hiện nền kinh tế mở, thu hút đầu tư từ nước ngoài.
B. Khu vực Nhà nước làm ăn không có hiệu quả.
C. Tác động của công nghiệp hoá và hiện đại hoá.
D. Kinh tế nước ta đang từng bước chuyển sang cơ chế thị trường.
- Câu 18.** Đặc điểm tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là
A. ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc đã suy giảm đáng kể.
B. núi xen kẽ thung lũng sông theo hướng tây bắc – đông nam.
C. nhiệt độ trung bình năm cao, biên độ nhiệt năm nhỏ.
D. có mùa đông lạnh điển hình, nhiều dãy núi hướng vòng cung.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau đây.

Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động mạnh của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ 16⁰B trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.

- a) Tín phong bán cầu Nam là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và vùng cao nguyên tây Nam Trung Bộ.
- b) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc đã làm cho miền Bắc có một mùa đông lạnh.
- c) Gió mùa Đông Bắc hoạt động liên tục và gây lạnh khô cho vùng từ vĩ tuyến 16⁰B trở vào
- d) Gió tín phong bị biến tính khi đi qua biển nên gây mưa phùn vào cuối mùa đông ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Sự phân hóa của thiên nhiên theo chiều Đông – Tây được thể hiện khá rõ ở vùng đồi núi nước ta. Vùng núi Đông Bắc là nơi có mùa đông lạnh nhất cả nước, về mùa đông nhiệt độ hạ xuống rất thấp, thời tiết hanh khô, thiên nhiên mang tính chất cận nhiệt đới gió mùa. Vùng núi Tây Bắc có mùa đông tương đối ẩm và khô hanh, ở các vùng núi thấp cảnh quan mang tính chất nhiệt đới gió mùa, tuy nhiên ở các vùng núi cao cảnh quan thiên nhiên lại giống vùng ôn đới.

- a) Vùng núi cao Tây Bắc nhiệt độ hạ thấp do gió mùa Đông bắc kết hợp với độ cao địa hình.
- b) Tại các vùng núi cao Tây Bắc có nhiệt độ hạ thấp do địa hình cao hút gió từ các hướng tới.
- c) Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất cả nước do vị trí địa lí kết hợp với hướng núi.
- d) Vùng núi Tây Bắc có mùa đông ẩm hơn và khô hanh do vị trí và ảnh hưởng các dãy núi hướng tây bắc – đông nam đã ngăn cản gió mùa Đông Bắc.

Câu 3: Tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta có xu hướng gia tăng, đặc biệt là môi trường nước và không khí. Ô nhiễm không khí diễn ra chủ yếu tại các thành phố lớn, đông dân; các khu vực đô thị tập trung hoạt động công nghiệp và những nơi có mật độ phương tiện giao thông lớn. Ô nhiễm nước tập trung chủ yếu ở khu vực trung lưu và đồng bằng hạ lưu các lưu vực sông.

- a) Ô nhiễm không khí xảy ra ở thành thị và nông thôn, tuy nhiên ở nông thôn có xu hướng giảm.
- b) Nước thải sinh hoạt và nước thải từ các hoạt động kinh tế đang trực tiếp gây ô nhiễm nguồn nước.
- c) Hoạt động giao thông vận tải là một trong các nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm không khí.
- d) Công nghệ tạo ra các nguồn tài nguyên và năng lượng mới đang làm cho môi trường xấu đi.

Câu 4: Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO TUỔI Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1999 – 2021

(Đơn vị : %)

Năm	1999	2009	2011	2019	2021
0 – 14 tuổi	33,1	24,5	24,0	24,3	24,1
15 – 64 tuổi	61,1	69,1	69,0	68,0	67,7
Từ 65 tuổi trở lên	5,8	8,7	7,0	7,7	8,3

- a) Cơ cấu dân số của nước ta đang có xu hướng già hóa nhanh chóng giai đoạn hiện nay.
- b) Biểu đồ dạng miền thể hiện thích hợp nhất cơ cấu dân số theo tuổi ở nước ta giai đoạn 1999 – 2021.
- c) Tỷ lệ nhóm tuổi từ 0 đến 14 tuổi có xu hướng giảm liên tục trong giai đoạn 1999 – 2021.
- d) Tỷ lệ nhóm tuổi từ 65 tuổi trở lên có xu hướng tăng nhanh hơn nhóm 15 đến 64 tuổi trong giai đoạn 1999 – 2021.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Biết diện tích tự nhiên của Việt Nam là 0,331212 triệu km², số dân năm 2022 là 99,47 triệu người (*niên giám thống kê năm 2022*). Vậy mật độ dân số nước ta năm 2022 là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng trong năm 2021 tại trạm khí tượng Đà Nẵng

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	34,7	32,1	14,6	21,4	2,1	38,5	12,5	93,5	800,4	782,8	271,0	485,8

(Nguồn: *Niên giám thống kê 2022, NXB Thống kê 2022*)

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tổng lượng mưa trong mùa mưa chiếm bao nhiêu % so với tổng lượng mưa trong năm của Đà Nẵng năm 2021. Cho biết các tháng mùa mưa liên tiếp có lượng mưa > 100mm. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Lưu lượng dòng chảy tháng tại trạm Hà Nội trên sông Hồng

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu Lượng	1022	905	853	1004	1578	3469	5891	6245	4399	2909	2024	1285

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Hà Nội trên sông Hồng (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m³/s).

Câu 4: Nếu trên đỉnh núi Tây Côn Lĩnh (2419 m) có nhiệt độ là 6,0⁰C thì theo quy luật đai cao, nhiệt độ ở chân núi sườn đón gió là (*kết quả làm tròn một chữ số thập phân*)

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại Huế năm 2022

(Đơn vị: ⁰C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	21,6	19,4	24,3	24,6	26,6	29,7	29,1	28,4	27,5	24,7	25,2	20,1

(Nguồn: *Niên giám thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023*)

Căn cứ bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ năm tại Huế (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của ⁰C).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ TRUNG BÌNH PHÂN THEO GIỚI TÍNH CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị: Triệu người)

Giới tính \ Năm	Năm	
	2010	2021
Nam	43,0	49,1
Nữ	44,0	49,4

(Nguồn: *Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022*)

Theo bảng số liệu, cho biết tỉ số giới tính của nước ta năm 2021 là bao nhiêu? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

----- HẾT -----

Câu 12: Sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế ở nước ta chủ yếu là do

- A. vị trí nội chí tuyến, núi thấp chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ, luồng di cư sinh vật.
- B. nền nhiệt cao, địa hình phân hoá đa dạng, lượng mưa lớn và tập trung cường độ cao.
- C. thuộc vùng nhiệt đới bán cầu Bắc, luồng di cư sinh vật phương Nam, gió Tín phong.
- D. lượng bức xạ Mặt Trời lớn, hướng của địa hình đa dạng, lượng mưa theo mùa rõ rệt.

Câu 13: Nguyên nhân chủ yếu làm suy giảm diện tích rừng tự nhiên của nước ta là

- A. cháy rừng.
- B. ngập lụt.
- C. chiến tranh.
- D. phá rừng, khai thác bừa bãi.

Câu 14: Vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?

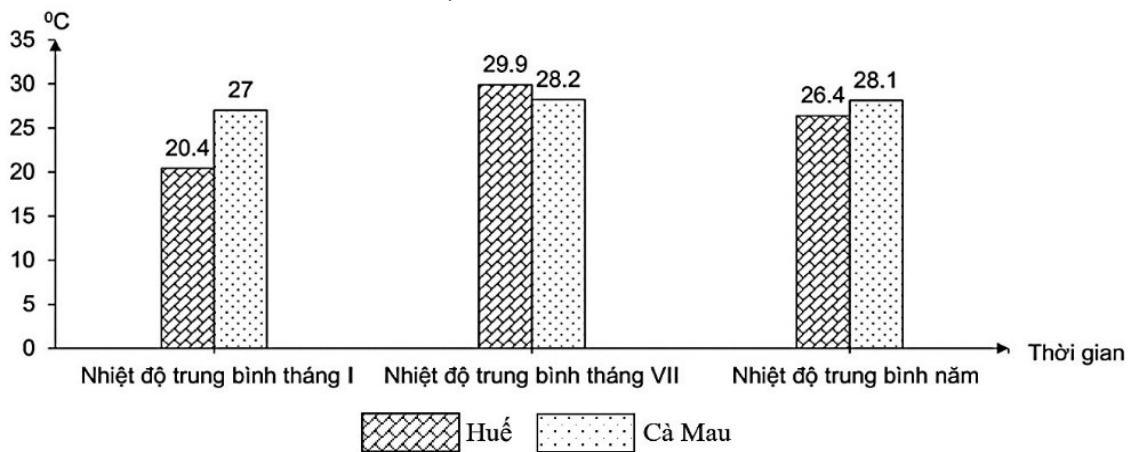
- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Nam Trung Bộ.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 15: Nguyên nhân chủ yếu gây ra sự phân hóa nhiệt độ vào tháng I ở miền khí hậu phía Bắc của nước ta là

- A. cánh cung đón gió, frông cực, chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.
- B. các dãy núi cao, gió mùa đông hoạt động thất thường, frông cực.
- C. gió đông bắc, độ cao địa hình, phạm vi trải dài trên nhiều vĩ độ.
- D. gần chí tuyến Bắc, địa hình phân hóa đa dạng, dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 16: Cho biểu đồ:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG I, THÁNG VII VÀ TRUNG BÌNH NĂM CỦA HUẾ, CÀ MAU NĂM 2019



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh chế độ nhiệt của Huế và Cà Mau năm 2019?

- A. Cà Mau có nhiệt độ trung bình tháng VII thấp hơn Huế.
- B. Huế có nhiệt độ trung bình năm cao hơn Cà Mau.
- C. Cà Mau có biên độ nhiệt trung bình năm cao hơn Huế.
- D. Huế có nhiệt độ trung bình tháng I cao hơn Cà Mau.

Câu 17: Tài nguyên sinh vật nước ta rất phong phú chủ yếu do

- A. nằm liền kề các vành đai sinh khoáng lớn.
- B. vị trí nằm hoàn toàn ở vùng nội chí tuyến.
- C. nằm trên đường di lưu của các loài sinh vật.
- D. lãnh thổ hẹp ngang theo chiều đông - tây.

Câu 18: Phân bố dân cư không hợp lí đã ảnh hưởng như thế nào đến phát triển kinh tế của nước ta?

- A. Khó khăn cho việc khai thác tài nguyên thiên nhiên.
- B. Khó khăn để nâng cao mức sống cho người lao động.
- C. Khó khăn cho vấn đề việc làm và nhà ở.
- D. Gây ô nhiễm môi trường ở tất cả các vùng.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Nước ta có nguồn tài nguyên nước phong phú, gồm nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm. Quá trình phát triển kinh tế – xã hội và tình hình tăng dân số, nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng đã khiến nguồn nước trên mặt và nước ngầm ở nhiều nơi bị suy giảm.

- a) Mực nước của một số sông và hệ thống sông trên phạm vi cả nước bị hạ thấp.
- b) Tình trạng hạ thấp mực nước ngầm xảy ra ở diện rộng đặc biệt ở miền núi chủ yếu do dân số tăng nhanh .
- c) Nguồn nước mặt bị ô nhiễm nghiêm trọng do nước thải sản xuất và sinh hoạt.
- d) Vào mùa khô, tình trạng khan hiếm nước xảy ra ở nhiều nơi nhất là ở đồng bằng sông Hồng.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Điểm nổi bật của chế độ mưa ở nước ta là mưa theo mùa, do gió mùa mùa đông khô, tương phản với gió mùa mùa hạ ẩm. Mùa khô mưa ít, có tháng không mưa giọt nào, còn mùa mưa thì chiếm đến 80 – 85% lượng mưa năm và tháng mưa ít nhất cũng phải từ 100 mm trở lên, còn tháng mưa nhiều nhất thì có thể tới 300 – 600 mm. Trên cả nước mùa mưa và mùa khô trong các vùng không khớp hẳn với nhau.

- a) Khí hậu nước ta phân thành hai mùa mưa, khô rõ rệt nhưng khác biệt giữa các vùng.
- b) Mùa mưa ở Bắc Bộ và Nam Bộ vào mùa hè, còn ở miền Trung là vào thu đông.
- c) Mùa mưa ở Trung Bộ vào thu đông do tác động của gió đông bắc và gió TBg.
- d) Nam Bộ có mùa khô sâu sắc hơn Bắc Bộ do tác động của vị trí, gió mùa Tây Nam.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số ở nước ta giai đoạn 1999-2021

	1999	2009	2019	2021
Quy mô dân số (triệu người)	76,5	86,0	96,5	98,5
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,51	1,06	1,15	0,94

(Nguồn: Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, 2009, 2019; Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

- a) Quy mô dân số nước ta giảm liên tục qua các năm.
- b) Tỉ lệ gia tăng dân số thấp nhất năm 2021.
- c) Tỉ lệ gia tăng dân số giảm, quy mô dân số tăng do số trẻ em ngày càng ít, số người già ngày càng tăng.
- d) Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số ở nước ta giai đoạn 1999-2021.

Câu 4. Cho thông tin sau

Về khí hậu, so với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, nhiệt độ trung bình năm và nhiệt độ trung bình tháng 1 của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ cao hơn, mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn (riêng vùng núi cao Tây Bắc có khí hậu lạnh, nhiệt độ trung bình năm dưới 15⁰C). Chế độ mưa có sự phân mùa rõ rệt. Mùa mưa khác nhau giữa các khu vực, ở Tây Bắc có mưa nhiều vào mùa hạ, còn ở Bắc Trung Bộ mưa nhiều vào thu đông.

- a) Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có mùa đông đến sớm và kết thúc muộn hơn miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.
- b) Vào mùa đông, khu vực Tây Bắc có nhiệt độ thấp hơn Bắc Trung Bộ.
- c) Do tác động của địa hình nên thiên nhiên Tây Bắc có sự phân hoá thành 3 đai cao.
- d) Bắc Trung Bộ có mưa nhiều vào thu đông do tác động của bão, dải hội tụ nhiệt đới, frông, gió mùa đông bắc.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Nếu trên đỉnh núi Kiêu Liêu Ti (2402 m) có nhiệt độ là $8,0^{\circ}\text{C}$ thì theo quy luật đai cao, nhiệt độ ở chân núi sườn đón gió là (kết quả làm tròn một chữ số thập phân)

Câu 2: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM TẠI HÀ NỘI NĂM 2021 (Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	16,9	20,9	22,5	25,6	29,7	31,6	30,8	30,5	28,7	24,6	22,5	19,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết nhiệt độ trung bình năm tại Hà Nội năm 2021 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của $^{\circ}\text{C}$)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng tại Huế năm 2021 (Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	190,3	61,1	112,4	68,6	1,7	32,0	27,0	52,6	535,6	1438,3	825,9	490,5

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2020, NXB thống kê Việt Nam, 2021)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa trong mùa mưa chiếm bao nhiêu % so với tổng lượng mưa trong năm của Huế năm 2021. Cho biết các tháng mùa mưa liên tiếp có lượng mưa $> 100\text{mm}$ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Lưu lượng dòng chảy tháng tại trạm Hà Nội trên sông Hồng
(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu Lượng	1022	905	853	1004	1578	3469	5891	6245	4399	2909	2024	1285

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết lưu lượng dòng chảy tháng đỉnh lũ cao hơn lưu lượng dòng chảy tháng kiệt nhất tại trạm Hà Nội trên sông Hồng là bao nhiêu (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m^3/s).

Câu 5: Theo Niên giám thống kê năm 2022 (NXB Thống kê), tổng số lao động nước ta là 50604,7 nghìn người, số lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng là 24442,0 nghìn người. Cho biết số lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm bao nhiêu % so với tổng số lao động của nước ta? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6: Cho diện tích và dân số của Bắc Trung Bộ năm 2021 lần lượt là 51,2 nghìn km^2 và 11,2 triệu người. Vậy mật độ dân số của Bắc Trung Bộ năm 2021 là bao nhiêu người/ km^2 ? (làm tròn đến hàng đơn vị)

----- HẾT -----

- B. Tín phong bán cầu Bắc, gió hướng tây nam, dải hội tụ nhiệt đới.
 C. gió mùa Tây Nam, áp thấp nhiệt đới, bão, gió mùa Đông Bắc.
 D. gió hướng đông bắc, gió từ vịnh Bengan, bão, dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 12. Cho bảng số liệu:

LƯU LƯỢNG NƯỚC TRUNG BÌNH THÁNG CỦA SÔNG HỒNG TẠI TRẠM HÀ NỘI

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lưu lượng nước	1040	885	765	889	1480	3510	5590	6660	4990	3100	2190	1370

(Nguồn: Atlas Địa lí Việt Nam – NXB Giáo dục Việt Nam)

Theo bảng số liệu, sông Hồng tại trạm Hà Nội có đỉnh lũ vào tháng nào sau đây?

- A. Tháng VIII. B. Tháng XII. C. Tháng III. D. Tháng I.

Câu 13. Dạng thời tiết nắng nóng, kèm theo mưa dông xuất hiện vào cuối mùa khô ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là do ảnh hưởng của

- A. Tín phong bán cầu Bắc. B. Tín phong bán cầu Nam.
 C. gió mùa mùa hạ đến sớm. D. áp thấp phía tây lấn sang.

Câu 14. Dân số phân theo nhóm tuổi của nước ta đang ở giai đoạn

- A. cơ cấu dân số già. B. cơ cấu dân số trẻ.
 C. ổn định. D. cơ cấu dân số vàng.

Câu 15. Phía Tây nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?

- A. Lào và Thái Lan. C. Lào và Campuchia.
 B. Campuchia và Trung Quốc. D. Lào và Trung Quốc.

Câu 16. Lao động nước ta đang có xu hướng chuyển từ khu vực Nhà nước sang khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vì

- A. Khu vực Nhà nước làm ăn không có hiệu quả.
 B. Tác động của công nghiệp hoá và hiện đại hoá.
 C. Nước ta thực hiện nền kinh tế mở, thu hút đầu tư từ nước ngoài.
 D. Kinh tế nước ta đang từng bước chuyển sang cơ chế thị trường.

Câu 17. Nhận định nào sau đây đúng với đặc điểm dân số nước ta?

- A. Gia tăng dân số và quy mô dân số đều giảm.
 B. Dân số đông và tăng nhanh, gia tăng dân số còn cao.
 C. Dân số liên tục tăng, gia tăng dân số có chiều hướng giảm.
 D. Gia tăng dân số thấp, quy mô dân số giảm mạnh.

Câu 18. Đặc điểm tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. núi xen kẽ thung lũng sông theo hướng tây bắc – đông nam.
 B. có mùa đông lạnh điển hình, nhiều dãy núi hướng vòng cung.
 C. ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc đã suy giảm đáng kể.
 D. nhiệt độ trung bình năm cao, biên độ nhiệt năm nhỏ.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta có xu hướng gia tăng, đặc biệt là môi trường nước và không khí. Ô nhiễm không khí diễn ra chủ yếu tại các thành phố lớn, đông dân; các khu vực đô thị tập trung hoạt động công nghiệp và những nơi có mật độ phương tiện giao thông lớn. Ô nhiễm nước tập trung chủ yếu ở khu vực trung lưu và đồng bằng hạ lưu các lưu vực sông.

- a) Hoạt động giao thông vận tải là một trong các nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm không khí.
 b) Ô nhiễm không khí xảy ra ở thành thị và nông thôn, tuy nhiên ở nông thôn có xu hướng giảm.
 c) Nước thải sinh hoạt và nước thải từ các hoạt động kinh tế đang trực tiếp gây ô nhiễm nguồn nước.

d) Công nghệ tạo ra các nguồn tài nguyên và năng lượng mới đang làm cho môi trường xấu đi.

Câu 2: Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO TUỔI Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1999 – 2021

(Đơn vị : %)

Năm	1999	2009	2011	2019	2021
0 – 14 tuổi	33,1	24,5	24,0	24,3	24,1
15 – 64 tuổi	61,1	69,1	69,0	68,0	67,7
Từ 65 tuổi trở lên	5,8	8,7	7,0	7,7	8,3

a) Tỷ lệ nhóm tuổi từ 0 đến 14 tuổi có xu hướng giảm liên tục trong giai đoạn 1999 – 2021.

b) Tỷ lệ nhóm tuổi từ 65 tuổi trở lên có xu hướng tăng nhanh hơn nhóm 15 đến 64 tuổi trong giai đoạn 1999 – 2021.

c) Cơ cấu dân số của nước ta đang có xu hướng già hóa nhanh chóng giai đoạn hiện nay.

d) Biểu đồ dạng miền thể hiện thích hợp nhất cơ cấu dân số theo tuổi ở nước ta giai đoạn 1999 – 2021.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau đây.

Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động mạnh của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ 16⁰B trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.

a) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc đã làm cho miền Bắc có một mùa đông lạnh.

b) Tín phong bán cầu Nam là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và vùng cao nguyên tây Nam Trung Bộ .

c) Gió mùa Đông Bắc hoạt động liên tục và gây lạnh khô cho vùng từ vĩ tuyến 16⁰B trở vào

d) Gió tín phong bị biến tính khi đi qua biển nên gây mưa phùn vào cuối mùa đông ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Sự phân hóa của thiên nhiên theo chiều Đông – Tây được thể hiện khá rõ ở vùng đồi núi nước ta. Vùng núi Đông Bắc là nơi có mùa đông lạnh nhất cả nước, về mùa đông nhiệt độ hạ xuống rất thấp, thời tiết hanh khô, thiên nhiên mang tính chất cận nhiệt đới gió mùa. Vùng núi Tây Bắc có mùa đông tương đối ẩm và khô hanh, ở các vùng núi thấp cảnh quan mang tính chất nhiệt đới gió mùa, tuy nhiên ở các vùng núi cao cảnh quan thiên nhiên lại giống vùng ôn đới.

a) Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất cả nước do vị trí địa lí kết hợp với hướng núi.

b) Vùng núi Tây Bắc có mùa đông ẩm hơn và khô hanh do vị trí và ảnh hưởng các dãy núi hướng tây bắc – đông nam đã ngăn cản gió mùa Đông Bắc.

c) Vùng núi cao Tây Bắc nhiệt độ hạ thấp do gió mùa Đông bắc kết hợp với độ cao địa hình.

d) Tại các vùng núi cao Tây Bắc có nhiệt độ hạ thấp do địa hình cao hút gió từ các hướng tới.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Nếu trên đỉnh núi Tây Côn Lĩnh (2419 m) có nhiệt độ là 6,0⁰C thì theo quy luật đai cao, nhiệt độ ở chân núi sườn đón gió là (kết quả làm tròn một chữ số thập phân)

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại Huế năm 2022

(Đơn vị: ⁰C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	21,6	19,4	24,3	24,6	26,6	29,7	29,1	28,4	27,5	24,7	25,2	20,1

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ năm tại Huế (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của ⁰C).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ TRUNG BÌNH PHÂN THEO GIỚI TÍNH CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị: Triệu người)

Giới tính \ Năm	Năm	
	2010	2021
Nam	43,0	49,1
Nữ	44,0	49,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, cho biết tỉ số giới tính của nước ta năm 2021 là bao nhiêu? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

Câu 4. Biết diện tích tự nhiên của Việt Nam là 0,331212 triệu km², số dân năm 2022 là 99,47 triệu người (niên giám thống kê năm 2022). Vậy mật độ dân số nước ta năm 2022 là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng trong năm 2021 tại trạm khí tượng Đà Nẵng

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	34,7	32,1	14,6	21,4	2,1	38,5	12,5	93,5	800,4	782,8	271,0	485,8

(Nguồn: Niên giám thống kê 2022, NXB Thống kê 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tổng lượng mưa trong mùa mưa chiếm bao nhiêu % so với tổng lượng mưa trong năm của Đà Nẵng năm 2021. Cho biết các tháng mùa mưa liên tiếp có lượng mưa > 100mm. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Lưu lượng dòng chảy tháng tại trạm Hà Nội trên sông Hồng

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu Lượng	1022	905	853	1004	1578	3469	5891	6245	4399	2909	2024	1285

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Hà Nội trên sông Hồng (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m³/s).

----- HẾT -----

Câu 18. Vị trí địa lí nước ta

- A. nằm ở phía đông của Biển Đông.
C. rìa đông bán đảo Đông Dương.

- B. nằm hoàn toàn ở bán cầu Nam.
D. nằm gần trung tâm của châu Á.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số ở nước ta giai đoạn 1999-2021

	1999	2009	2019	2021
Quy mô dân số (triệu người)	76,5	86,0	96,5	98,5
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,51	1,06	1,15	0,94

(Nguồn: Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, 2009, 2019; Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

- a) Tỉ lệ gia tăng dân số giảm, quy mô dân số tăng do số trẻ em ngày càng ít, số người già ngày càng tăng.
b) Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số ở nước ta giai đoạn 1999-2021.
c) Quy mô dân số nước ta giảm liên tục qua các năm.
d) Tỉ lệ gia tăng dân số thấp nhất năm 2021.

Câu 2. Cho thông tin sau

Về khí hậu, so với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, nhiệt độ trung bình năm và nhiệt độ trung bình tháng 1 của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ cao hơn, mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn (riêng vùng núi cao Tây Bắc có khí hậu lạnh, nhiệt độ trung bình năm dưới 15°C). Chế độ mưa có sự phân mùa rõ rệt. Mùa mưa khác nhau giữa các khu vực, ở Tây Bắc có mưa nhiều vào mùa hạ, còn ở Bắc Trung Bộ mưa nhiều vào thu đông.

- a) Do tác động của địa hình nên thiên nhiên Tây Bắc có sự phân hoá thành 3 đai cao.
b) Bắc Trung Bộ có mưa nhiều vào thu đông do tác động của bão, dải hội tụ nhiệt đới, frông, gió mùa đông bắc.
c) Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có mùa đông đến sớm và kết thúc muộn hơn miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.
d) Vào mùa đông, khu vực Tây Bắc có nhiệt độ thấp hơn Bắc Trung Bộ.

Câu 3. Nước ta có nguồn tài nguyên nước phong phú, gồm nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm. Quá trình phát triển kinh tế – xã hội và tình hình tăng dân số, nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng đã khiến nguồn nước trên mặt và nước ngầm ở nhiều nơi bị suy giảm.

- a) Nguồn nước mặt bị ô nhiễm nghiêm trọng do nước thải sản xuất và sinh hoạt.
b) Vào mùa khô, tình trạng khan hiếm nước xảy ra ở nhiều nơi nhất là ở đồng bằng sông Hồng.
c) Mực nước của một số sông và hệ thống sông trên phạm vi cả nước bị hạ thấp.
d) Tình trạng hạ thấp mực nước ngầm xảy ra ở diện rộng đặc biệt ở miền núi chủ yếu do dân số tăng nhanh.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Điểm nổi bật của chế độ mưa ở nước ta là mưa theo mùa, do gió mùa mùa đông khô, tương phản với gió mùa mùa hạ ẩm. Mùa khô mưa ít, có tháng không mưa giọt nào, còn mùa mưa thì chiếm đến 80 – 85% lượng mưa năm và tháng mưa ít nhất cũng phải từ 100 mm trở lên, còn tháng mưa nhiều nhất thì có thể tới 300 – 600 mm. Trên cả nước mùa mưa và mùa khô trong các vùng không khớp hẳn với nhau.

- a) Mùa mưa ở Trung Bộ vào thu đông do tác động của gió đông bắc và gió TBg.
b) Nam Bộ có mùa khô sâu sắc hơn Bắc Bộ do tác động của vị trí, gió mùa Tây Nam.
c) Khí hậu nước ta phân thành hai mùa mưa, khô rõ rệt nhưng khác biệt giữa các vùng.
d) Mùa mưa ở Bắc Bộ và Nam Bộ vào mùa hè, còn ở miền Trung là vào thu đông.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Lưu lượng dòng chảy tháng tại trạm Hà Nội trên sông Hồng

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu Lượng	1022	905	853	1004	1578	3469	5891	6245	4399	2909	2024	1285

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết lưu lượng dòng chảy tháng đỉnh lũ cao hơn lưu lượng dòng chảy tháng kiệt nhất tại trạm Hà Nội trên sông Hồng là bao nhiêu (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m^3/s).

Câu 2. Theo Niên giám thống kê năm 2022 (NXB Thống kê), tổng số lao động nước ta là 50604,7 nghìn người, số lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng là 24442,0 nghìn người. Cho biết số lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm bao nhiêu % so với tổng số lao động của nước ta? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3: Cho diện tích và dân số của Bắc Trung Bộ năm 2021 lần lượt là 51,2 nghìn km^2 và 11,2 triệu người. Vậy mật độ dân số của Bắc Trung Bộ năm 2021 là bao nhiêu người/ km^2 ? (làm tròn đến hàng đơn vị)

Câu 4: Nếu trên đỉnh núi Kiêu Liêu Ti (2402 m) có nhiệt độ là $8,0^{\circ}C$ thì theo quy luật đai cao, nhiệt độ ở chân núi sườn đón gió là (kết quả làm tròn một chữ số thập phân)

Câu 5: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM TẠI HÀ NỘI NĂM

2021 (Đơn vị: $^{\circ}C$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	16,9	20,9	22,5	25,6	29,7	31,6	30,8	30,5	28,7	24,6	22,5	19,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết nhiệt độ trung bình năm tại Hà Nội năm 2021 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của $^{\circ}C$)

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng tại Huế năm 2021 (Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	190,3	61,1	112,4	68,6	1,7	32,0	27,0	52,6	535,6	1438,3	825,9	490,5

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2020, NXB thống kê Việt Nam, 2021)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa trong mùa mưa chiếm bao nhiêu % so với tổng lượng mưa trong năm của Huế năm 2021. Cho biết các tháng mùa mưa liên tiếp có lượng mưa $> 100mm$ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

----- HẾT -----